

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-3-2023  
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Châu Kha

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Tấn Lãnh và bà Trần Thị Thúy.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Võ Kim Vinh - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định thay đổi hội thẩm số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 của TAND huyện S giữa các đương sự:

*\*Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị Q**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*\*Bị đơn:* Anh **Mông Văn B**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn đề ngày 05 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Q và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 23 tháng 01 năm 2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cảm thấy không có sự quan tâm nhau nữa và anh B sống không có trách nhiệm với vợ con. Vì vậy, chị Q yêu cầu Tòa

cho ly hôn anh Mông Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Q và anh B có hai con chung, cụ thể:

- + Mông Thị Lệ T, sinh ngày 01-10-2013; giới tính: Nữ;
- + Mông Hoàng K, sinh ngày 29-6-2016; giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, chị Q xin được nuôi cả hai con chung, không cần anh B cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại cả hai con đều đang sinh sống với chị Q và có bản tự khai của hai con (Mông Thị Lệ T và Mông Hoàng K) đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn cả hai con sẽ ở với mẹ.

Về tài sản chung: Chị Q và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn: Anh Mông Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, về con và về tài sản thống nhất như chị Q trình bày. Năm 2019, anh B sang Trung Quốc làm thuê, do bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19 nên không về được, đến năm 2020 anh B trở về nhà. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay, nếu chị Q xin ly hôn thì anh B không muốn ly hôn. Về con, có hai con chung, cụ thể:

- + Mông Thị Lệ T, sinh ngày 01-10-2013; giới tính: Nữ;
- + Mông Hoàng K, sinh ngày 29-6-2016; giới tính: Nam.

Nếu phải ly hôn thì cho chị Q được chọn nuôi một con, còn anh B xin nuôi một con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TAND huyện S đã tiến hành hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh B, tiếp tục xin được nuôi cả hai con chung và tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh. Tại phiên tòa, anh B trình bày vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con, có hai con chung, cụ thể:

- + Mông Thị Lệ T, sinh ngày 01-10-2013; giới tính: Nữ;
- + Mông Hoàng K, sinh ngày 29-6-2016; giới tính: Nam.

Anh B trình bày, nếu phải ly hôn thì cho chị Q được chọn nuôi một con, còn anh B xin nuôi một con. Còn chị Q xin được tiếp tục nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của hai con, nếu cha mẹ ly hôn thì đều xin được ở với mẹ.

Về tài sản: Chị Q, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện S phát biểu: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Chị Q và anh B tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên vào năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện chung sống của cả hai bên, cùng hướng đến mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay chị Q anh B không còn chung sống với nhau, không cùng chăm sóc con và xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q

Về con chung: Chị Q và anh B có hai con chung là Mông Thị Lệ T, sinh ngày 01-10-2013; giới tính: Nữ và Mông Hoàng K, sinh ngày 09-6-2016; giới tính: Nam. Khi ly hôn, chị Q xin được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng, hiện tại hai con đều đang sinh sống cùng với chị Q và cả hai con đều có nguyện vọng được sống cùng chị Q khi cha mẹ ly hôn, để bảo đảm sự ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho hai con và nguyện vọng của hai con cần giao hai con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giao hai con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu đề nghị HĐXX không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị Q và anh Mông Văn B; cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND huyện S, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 23-01-2013. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được. Xét

thấy, không còn tình cảm, không thể hàn gắn chung sống vợ chồng, nên chị Q xin ly hôn với anh B.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh việc anh B còn thương yêu vợ con và có trách nhiệm chăm lo hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập để tham gia tố tụng nhiều lần, anh B biết nhưng không đến phiên tòa là xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh B có mặt, cung cấp bản tự khai (có người viết giúp) và anh B cho rằng không tự viết bản tự khai được, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai thể hiện: Anh B không đồng ý ly hôn, nhưng anh B không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh việc mình không đồng ý ly hôn.

Riêng chị Q chứng minh, từ năm 2019 đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau và đã ly thân, nếu tiếp tục chung sống thì việc mâu thuẫn giữa chị Q và anh B tiếp tục diễn ra trong gia đình phần nào sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển trí tuệ, đời sống thường ngày của các con, có biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương cung cấp. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[3] Về con chung: Chị Q và anh B thừa nhận có con hai chung, mặc dù anh B xin nuôi một con nhưng không chứng minh thu nhập của mình và thường xuyên đi làm ăn xa. Xét điều kiện, hiện tại hai con đang sống chung với chị Q, kinh tế thu nhập của chị Q ổn định, phù hợp với ý chí tự nguyện của chị Q và của các con, nếu được nuôi hai con chị Q không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét thấy, chị Q có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với ý chí nguyện vọng các con. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX chấp nhận chị Q nuôi hai con chung mà anh B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể:

+ Mông Thị Lệ T, sinh ngày 01-10-2013; giới tính: Nữ;

+ Mông Hoàng K, sinh ngày 29-6-2016; giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Q và anh B không yêu cầu phân chia tài sản, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Q. Cho chị Hoàng Thị Q ly hôn anh Mông Văn B.

2. *Về con chung:* Chị Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, cụ thể:

+ Mông Thị Lệ T, sinh ngày 01-10-2013; giới tính: Nữ;

+ Mông Hoàng K, sinh ngày 29-6-2016; giới tính: Nam.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Q không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. *Về tài sản chung:* Chị Q, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001270 ngày 11-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên. Vì vậy, về án phí chị Q đã thi hành xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Châu Kha**

